

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC  
BẢO HIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH AN GIANG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1474/TTr-STC ngày 08 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang, cụ thể:

1. Phụ lục I. Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính gồm 03 thủ tục hành chính, trong đó:

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 02.

- Thủ tục hành chính cấp xã: 01.

2. Phụ lục II. Danh mục và các hình thức tiếp nhận thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Website tỉnh;
- VNPT An Giang;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Thanh Bình**



**PHỤ LỤC I**  
**MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO HIỂM ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**VÀ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH AN GIANG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đơn vị thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1	2.002169.00 0.00.00.H01	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	30 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	Không	- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đơn vị thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	2	1.005411.00 0.00.00.H01	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	30 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	Không	61/2010/QH12 ngày 24/10/2010; - Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Đơn vị thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1	1.005412.00 0.00.00.H01	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	45 ngày làm việc	UBND cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/10/2010;</li> <li>- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp</li> </ul>

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC VÀ CÁC HÌNH THỨC TIẾP NHẬN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TRUNG TÂM**  
**PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH, BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP XÃ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ		Hình thức tiếp nhận						Địa chỉ dịch vụ công
						Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Ngoài trụ sở	Trực tiếp	Bru chin h công ích	Mức độ dịch vụ công	4 tại ch ỗ	Ngày không viết	Ngày không hẹn	
1	1	2.002169.000.00.00.H01	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công		x	x	2				https:dichvucong.angiang.gov.vn
2	2	1.005411.000.00.00.H01	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp					x	x	2				

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ		Hình thức tiếp nhận						Địa chỉ dịch vụ công	
						Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Ngoài trụ sở	Trực tiếp	Bưu chính công ích	Mức độ dịch vụ công	4 tại chỗ	Ngày không viết	Ngày không hẹn		
1	1	1.005412.000.00.00.H01	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019	UBND cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã		x	x	2					<a href="https://dichvucong.angiang.gov.vn">https://dichvucong.angiang.gov.vn</a>